

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5749 /BC-SGDĐT

Bình Phước, ngày 05 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

**Trả lời ý kiến chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh khóa X**

I. ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG TRƯỜNG CHUẨN

1. Trách nhiệm của Sở GD&ĐT trong việc tham mưu xây dựng chỉ tiêu tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cả nhiệm kỳ và hàng năm

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước nhiệm kỳ 2020-2025, đến năm 2025, toàn tỉnh có 100% xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 70% trường học đạt chuẩn quốc gia. Đồng thời, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao, trường học tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao phải đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Căn cứ tình hình thực tế về số lượng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2020 (tính đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 144/388 trường đạt chuẩn quốc gia) và các chỉ tiêu nêu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức kiểm tra, rà soát thực tế trường chuẩn của từng địa phương; sau khi rà soát, các địa phương đã căn cứ khả năng của mình để đề xuất, đăng ký chỉ tiêu, số lượng trường chuẩn quốc gia trên địa bàn cho từng năm và cả nhiệm kỳ 2020-2025 với tổng số trường đăng ký của các địa phương đạt tỷ lệ 71,6% so với tổng số trường trên toàn tỉnh. Số lượng trường chuẩn quốc gia này đã được cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh Bình Phước theo chỉ tiêu trên.

Như vậy, việc Sở GD&ĐT tham mưu Tỉnh ủy-HĐND-UBND tỉnh đưa chỉ tiêu 70% trường đạt chuẩn quốc gia vào nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nghị quyết của HĐND tỉnh là phù hợp với tình hình, kết quả xây dựng trường chuẩn giai đoạn 2015-2020 và các Thông tư của Bộ GD&ĐT quy định các tiêu chí trường chuẩn tại thời điểm đó; việc đề xuất chỉ tiêu trên cũng nhằm mục tiêu tạo động lực phấn đấu cho các nhà trường, các địa phương trong việc nâng cao cơ sở vật chất trường học, nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh.

Sau khi các nghị quyết của Tỉnh ủy-HĐND tỉnh ban hành, việc kiểm tra, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh có nhiều khó khăn dẫn đến tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh không đạt chỉ tiêu HĐND tỉnh giao hàng năm, như:

+Hầu hết các trường chưa đáp ứng tiêu chí cơ sở vật chất theo quy định tại Thông

tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT, một số trường diện tích đất không đáp ứng so với quy định về diện tích đất/học sinh hoặc không còn quỹ đất để xây dựng thêm các hạng mục công trình còn thiếu.

+Từ năm 2020, các địa phương đã tiến hành mạnh mẽ chủ trương sát nhập trường để thành lập các trường liên cấp theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; vì vậy, phát sinh vấn đề sĩ số học sinh/lớp, số lớp/trường vượt cao so với các tiêu chí trường chuẩn do Bộ GD&ĐT quy định.

+Số lượng, cơ cấu giáo viên chưa đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức các hoạt động giáo dục thiết yếu (*Đối với cấp học mầm non: thiếu giáo viên tính theo tỉ lệ lớp; Đối với cấp học tiểu học: thiếu giáo viên tính theo tỷ lệ lớp, thiếu giáo viên dạy các môn chuyên, đặc biệt các môn Ngoại ngữ và Tin học, ... ; Đối với cấp học trung học cơ sở và trung học phổ thông: Thiếu giáo viên theo tỉ lệ đồng thời cơ cấu giáo viên không đồng bộ*).

Từ tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh và thực tế của ngành Giáo dục, Sở GD&ĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch, lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, tập trung nguồn lực kinh tế để đầu tư xây dựng, trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục cho các trường đăng ký đạt chuẩn theo lộ trình; đồng thời, thực hiện công tác xã hội giáo dục để huy động nguồn lực của toàn xã hội, tăng cường nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất trường học (các hạng mục công trình nhỏ, đồ dùng, thiết bị dạy học...). Các huyện, thị xã, thành phố tăng cường đầu tư kinh phí, quy hoạch diện tích mặt bằng đảm bảo các điều kiện chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị trường học; trong đó lưu ý đến vấn đề quỹ đất để xây thêm trường học đảm bảo nhu cầu học tập ở các khu đô thị và các khu công nghiệp nơi có mật độ dân số và tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đến trường cao. Đầu tư quỹ đất để có đủ diện tích khuôn viên, sân chơi, bãi tập; có đủ phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng theo đúng tiêu chí của trường học chuẩn quốc gia.

2. Một số tiêu chí liên quan đến đất đai phải thực hiện theo thủ tục quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên khó hoàn thành trong 01 năm, khó khăn cho các địa phương trong việc triển khai thực hiện. Giải pháp để tháo gỡ những khó khăn; phương hướng và cách thức phối hợp với các địa phương trong thực hiện chỉ tiêu tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trong thời gian tới

Đối với quy định diện tích đất bình quân tối thiểu/học sinh (*trường mầm non là $12m^2$ /học sinh; trường phổ thông là $10m^2$ /học sinh*) là một trong các tiêu chí để đánh giá trường đạt chuẩn. Sau khi tổ chức rà soát thực trạng các cơ sở giáo dục trên toàn tỉnh trong năm 2021 và năm 2022, Sở GD&ĐT đã nhận thấy rõ những khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong việc triển khai thực hiện công tác xây dựng trường đạt chuẩn liên quan đến tiêu chí diện tích đất. Vì vậy, trong nội dung tham mưu UBND

tỉnh, Sở GD&ĐT đề xuất các giải pháp như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố lập quy hoạch sử dụng đất, trong đó có xét đến nhu cầu mở rộng các điểm trường đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia; xem xét, thẩm định nhu cầu sử dụng đất do Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố đăng ký. Rà soát, hướng dẫn cụ thể các địa phương quy trình để được cấp quyền sử dụng đất; trình UBND tỉnh giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng quy định”;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố phải tiến hành rà soát nhằm có kế hoạch bố trí quỹ đất xây dựng trường học nhằm đảm bảo về diện tích tối thiểu/học sinh theo quy định, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trong việc hoàn thành các thủ tục đăng ký cấp chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Việc thực hiện chỉ tiêu trường chuẩn quốc gia gặp khó khăn, sĩ số học sinh cao hơn nhiều so với quy định, biên chế giáo viên còn khó khăn vì vậy trường khó đạt chuẩn quốc gia. Đề nghị Sở có giải pháp trong thời gian tới:

Đối với thực trạng sĩ số học sinh/lớp cao hơn so với qui định, Sở GD&ĐT đã có nhiều văn bản hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện đúng quy định: không quá 25 trẻ/lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi, không quá 30 trẻ/lớp đối với mẫu giáo 4-5 tuổi, không quá 35 học sinh/lớp đối với các lớp mẫu giáo 5 tuổi và các lớp tiểu học; không quá 45 học sinh/lớp đối với lớp 6-12. Chỉ đạo các địa phương rà soát lại việc sáp nhập trường, quy mô trường lớp; nếu các trường có quy mô số lớp/trường và số học sinh/lớp vượt quá quy định có thể xây dựng phương án chia tách, thành lập trường mới, phân lại vùng tuyển sinh để đảm bảo theo quy định trường đạt chuẩn.

- Chỉ đạo Phòng GD&ĐT tham mưu phương án phân vùng tuyển sinh để đảm bảo tỷ lệ học sinh/lớp theo quy định; tránh tình trạng học sinh nhập học tập trung vào một số trường trọng điểm gây áp lực về sĩ số;

- Đối với biên chế giáo viên còn thiếu trong giai đoạn 2021-2025 (khoảng 1.598 giáo viên, 708 nhân viên, 150 cán bộ quản lý), Sở GD&ĐT đã nhiều lần phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Bộ Nội vụ giao thêm biên chế cho tỉnh. Tuy nhiên, đến nay Bộ Nội vụ đang tiến hành cắt giảm biên chế theo chủ trương chung đối với cả nước, trong đó có tỉnh Bình Phước nên vẫn chưa được bổ sung thêm.

- Đối với nội dung “*đề nghị cho biết việc phân bổ biên chế giáo viên của Bộ Nội vụ căn cứ theo định mức nào để phân bổ và có thực hiện theo định mức không*”: Về vấn đề này, liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ nên Sở GD&ĐT sẽ phối hợp, xin ý kiến trả lời của Sở Nội vụ cho sát với thực tế.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ GD&ĐT TRONG VIỆC THAM MUU, TRIỂN KHAI ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA VÀ LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH. GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Kết quả tham mưu, triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ

thông 2018

- Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT về Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Sở GDĐT tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tỉnh Bình Phước¹; Kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh (*Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 21/11/2019*).

- Sở GDĐT ban hành Kế hoạch và hướng dẫn các Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình GDPT 2018 tại đơn vị; kịp thời triển khai các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT về thực hiện Chương trình GDPT 2018 cho các đơn vị trực thuộc.

- Sở GDĐT đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 258/KH-UBND như: phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, chuẩn bị đội ngũ CBQL, GV, NV; rà soát CSVC, trang thiết bị dạy học để tham mưu bố trí kinh phí xây dựng, mua sắm; xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV; phối hợp với các công ty, nhà xuất bản có SGK được chọn để tổ chức bồi dưỡng sử dụng SGK cho CBQL, GV TH, THCS, THPT; biên soạn tài liệu giáo dục địa phương; thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa, công tác truyền thông, công tác thanh tra, kiểm tra... nhằm chuẩn bị tốt các điều kiện cho việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Đánh giá chung: Mặc dù còn khó khăn nhưng gần 3 năm qua việc triển khai thực hiện Chương trình, sách giáo khoa GDPT 2018 được thực hiện đúng tiến độ, lộ trình quy định và đạt được những kết quả tốt.

2. Trong công tác lựa chọn sách giáo khoa (SGK)

a) Tiến độ thực hiện lựa chọn SGK

Theo tiến độ thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, tiến độ thực hiện lựa chọn sách giáo khoa (SGK) phục vụ triển khai Chương trình, SGK mới cụ thể như sau:

- Năm học 2019-2020: Thực hiện lựa chọn SGK lớp 1 để sử dụng từ năm học 2020-2021.

- Năm học 2020-2021: Thực hiện lựa chọn SGK lớp 2, lớp 6 để sử dụng từ năm học 2021-2022.

- Năm học 2021-2022: Thực hiện lựa chọn SGK lớp 3, lớp 7, lớp 10 để sử dụng từ năm học 2022-2023.

- Năm học 2022-2023: Thực hiện lựa chọn SGK lớp 4, lớp 8, lớp 11 để sử dụng từ năm học 2023-2024.

¹ Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tỉnh Bình Phước; Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 và Quyết định số 2963/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tỉnh Bình Phước.

- Năm học 2023-2024: Thực hiện lựa chọn SGK lớp 5, lớp 9, lớp 12 để sử dụng từ năm học 2024-2025.

Các năm học tiếp theo chỉ thực hiện việc lựa chọn SGK nếu có cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị điều chỉnh, bổ sung danh mục SGK trong danh mục SGK mà UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt và được UBND tỉnh cho phép thực hiện lại các khâu của quy trình lựa chọn SGK (khoản 5 Điều 10 Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT).

b. Quy trình tổ chức lựa chọn SGK và tiêu chí lựa chọn

Sở GD&ĐT đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện quy trình lựa chọn sách giáo khoa từng năm học đúng theo lộ trình và các quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông (*áp dụng cho lựa chọn SGK lớp 1 sử dụng từ năm học 2020-2021*) và Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông (áp dụng từ năm học 2020-2021 thay cho Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT).

Sở GD&ĐT căn cứ vào kết quả lựa chọn của Hội đồng lựa chọn SGK để tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định những bộ sách giáo khoa sử dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

c. Về kinh phí lựa chọn SGK

Sở GD&ĐT đã phối hợp với Sở Tài chính dự toán, thẩm định kinh phí lựa chọn SGK lớp 2, lớp 6 năm học 2021-2022 và tiếp tục tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về kinh phí lựa chọn SGK lớp 3, lớp 7, lớp 10 năm học 2022-2023 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Giải pháp trong thời gian tới

a) *Về giải pháp khắc phục tình trạng thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học*

- Sở GD&ĐT tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội hóa để có thêm nguồn lực thực hiện việc nâng cấp, xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học.

b) *Giải pháp khắc phục tình trạng thiếu giáo viên và tiếp tục chuẩn bị tốt đội ngũ CBQL, GV cho việc triển khai Chương trình GDPT 2018*

- Sở GD&ĐT tiếp tục chỉ đạo các địa phương, đơn vị rà soát, sắp xếp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, nhằm tiếp tục sắp xếp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp Giáo dục trên địa bàn, tinh giản những chức danh chưa thật sự cần thiết; đẩy mạnh công tác tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập, sử dụng biên chế tiết kiệm được bổ sung cho biên chế giáo viên.

- Tiếp tục phối hợp với Sở Nội vụ triển khai, hướng dẫn cho các địa phương, đơn vị thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp



đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát thực trạng nhu cầu biên chế phục vụ cho công tác giảng dạy Chương trình GDPT 2018; tiếp tục rà soát, điều chuyển biên chế thừa, thiếu cục bộ giữa các địa phương, đơn vị trên địa bàn; báo cáo Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT đề xuất bổ sung biên chế các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018

- Hàng năm xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên; Kế hoạch nâng chuẩn cho đội ngũ nhà giáo theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy Chương trình GDPT 2018; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy môn tích hợp cấp THCS (môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí) và trình UBND tỉnh phê duyệt, thực hiện.

- Tăng cường xúc tiến, tạo môi trường thuận lợi để kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư giáo dục trên địa bàn, góp phần giảm gánh nặng về biên chế giáo viên cho các cơ sở giáo dục công lập.

c) Các giải pháp khác

Sở GD&ĐT tiếp tục hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa đúng quy định; tiếp tục phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương; thực hiện tốt công tác truyền thông về đổi mới chương trình, sách giáo khoa để tạo sự đồng thuận trong xã hội; thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra để góp phần tư vấn, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Chương trình, sách giáo khoa GDPT 2018 đúng theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí cho việc thực hiện.

III. PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG GIẢM THỨ HẠNG TRONG KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Kết quả

- Năm 2022 tỷ lệ tốt nghiệp chung toàn tỉnh bằng mức chung của cả nước (hơn 98%), có giảm so với năm 2021 khoảng 1%. Điểm trung bình môn thi toàn tỉnh là 6,037 thấp hơn so với năm 2021 0,333 điểm (*năm 2021 là 6,370*), tình trạng điểm thấp này xảy ra ở cả hai trường THPT chuyên và các trường THPT có chất lượng đứng đầu của tỉnh. Mặc dù tỷ lệ tốt nghiệp THPT vẫn ổn định như năm 2021 nhưng do chất lượng điểm thi trung bình từng môn học thấp hơn năm 2021 nên thứ hạng của tỉnh giảm từ hạng 37 (năm 2021) xuống hạng 56 (năm 2022); thứ hạng này do một số cơ quan truyền thông, báo chí tự thống kê chứ không phải số liệu chính thức do Bộ GD&ĐT công bố.

2. Nguyên nhân

a) Khách quan:

- Năm học 2021-2022 diễn ra trong điều kiện dịch bệnh Covid-19, học sinh phải học trực tuyến hết học kỳ I; sang học kỳ II, học sinh khối 12 tiếp tục học trực tuyến, một số nơi thực hiện kết hợp học trực tuyến và trực tiếp theo cấp độ dịch. Đến ngày

04/4/2022, tất cả học sinh khối 12 toàn tỉnh bắt đầu được đi học trực tiếp. Do khoảng thời gian được học trực tiếp trên lớp ít (gần 2 tháng) nên các trường chủ yếu dành thời gian để hoàn thành chương trình và kiểm tra, đánh giá hết năm học theo quy định. Thời gian ôn tập kiến thức không nhiều như những năm học trước nên điểm trung bình các trường đều giảm (trong đó có 02 trường chuyên). Những trường có học sinh được đi học trực tiếp sớm như Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước hoặc những trường được học theo cấp độ dịch, học trực tiếp nhiều hơn như Trường THCS&THPT Tân Tiến (huyện Bù Đốp) thì chất lượng vẫn ổn định như năm học trước.

- Số lượng học sinh dân tộc thiểu số năm học 2021-2022 chiếm tỷ khá lệ cao. Theo số liệu thống kê của Bộ GDĐT, năm học 2021-2022, tỉnh Bình Phước có số lượng học sinh THCS và THPT là con em dân tộc thiểu số nhiều nhất trong 07 tỉnh cụm miền Đông Nam bộ (*khoảng 16.000 học sinh*), riêng khối THPT của tỉnh Bình Phước khoảng 4.000 học sinh người dân tộc thiểu số chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện học tập (*nhất là học trực tuyến*) chưa thực sự hiệu quả.

b) Chủ quan:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý chuyên môn của Ban Giám đốc Sở GDĐT và của các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT còn nhiều hạn chế; chưa thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chương trình để có biện pháp chỉ đạo chuyên môn hiệu quả, kịp thời. Việc theo dõi, quản lý học sinh học trực tuyến gặp nhiều khó khăn, do điều kiện của các em học sinh, nhất là những học sinh ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

- Trong điều kiện dịch bệnh Covid-19, công tác lãnh đạo, chỉ đạo tập trung nhiều cho việc phòng, chống dịch bệnh, vì vậy lãnh đạo ngành giáo dục chưa kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp để đảm bảo chất lượng công tác chuyên môn dạy và học. Mặt khác, trong năm học 2021-2022, Sở GDĐT không thực hiện ra đề chung để đánh giá chất lượng cuối học kỳ, cuối năm học đối với học sinh lớp 12 mà giao cho từng trường tự ra đề kiểm tra đánh giá nên kết quả kiểm tra khá cao, học sinh chủ quan trong khi thi tốt nghiệp do điểm học bạ của học sinh được tính 30% vào điểm xét tốt nghiệp, dẫn đến điểm tổng kết năm học của học sinh lớp 12 lệch cao hơn so với điểm thi tốt nghiệp;

- Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra chất lượng các lớp liên kết dạy học văn hóa kết hợp học nghề tại các Trung tâm GDNN-GDTX còn gặp nhiều khó khăn do các lớp dạy văn hóa này có địa điểm đặt ngoài tỉnh (gần 500 học viên ngoài tỉnh tham gia thi tốt nghiệp THPT năm 2022)

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Giám đốc Sở trong thực hiện phân luồng học sinh trong những năm học trước chưa thật sự hiệu quả. Tỷ lệ phân luồng còn thấp vì khu vực vùng sâu, vùng xa học sinh vào lớp 10 đạt trên 90 % (như Bù Đăng, Bù Gia Mập)

3. Phương hướng, giải pháp để nâng cao chất lượng

Ngay sau khi có kết quả kỳ thi, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá toàn ngành, phân tích các nguyên nhân và thống nhất đưa ra 07 nhóm giải

pháp sau:

1. Khẩn trương khắc phục những hạn chế, rút kinh nghiệm cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, trong đó cần tăng cường công tác tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên làm công tác thi và học sinh, học viên tham gia dự thi nhằm nâng cao chất lượng Kỳ thi.

2. Tăng cường chỉ đạo việc quản lý chuyên môn tại các trường học, trong đó Sở GD&ĐT sẽ đẩy mạnh công tác kiểm tra chuyên môn đối với giáo viên, nâng cao chất lượng kiểm tra đánh giá học sinh thường xuyên và định kỳ. Tiếp tục thực hiện việc kiểm tra chung toàn tỉnh bằng đề kiểm tra của Sở GD&ĐT đối với khối 12 để đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ như những năm học trước.

3. Chỉ đạo các nhà trường phối hợp tốt với cha mẹ học sinh để quản lý học sinh trong chương trình chính khóa, phụ đạo, bồi dưỡng để củng cố những thiếu hụt kiến thức của năm học trước do dịch Covid-19 và ôn tập chuẩn bị cho Kỳ thi năm 2023.

4. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt việc dạy văn hóa chương trình giáo dục thường xuyên để thi tốt nghiệp THPT. Trong đó các đơn vị liên kết để học văn hóa cần phải mở lớp tại tỉnh Bình Phước để Sở GD&ĐT thực hiện chức năng quản lý, thanh tra, kiểm tra.

5. Tăng cường công tác phân luồng để học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề theo kế hoạch của UBND tỉnh và Đề án 522/QĐ-TTg của Chính phủ để nâng cao chất lượng đại trà các trường THPT.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ sở giáo dục, trong đó chú trọng kiểm tra công tác chuyên môn để nâng cao chất lượng giáo dục.

7. Rà soát và đưa vào tiêu chí thi đua bắt buộc để xếp loại thi đua cá nhân Ban Giám hiệu và tập thể trường học. Trong đó kết hợp tiêu chí tỷ lệ tốt nghiệp THPT hàng năm và điểm thi tốt nghiệp so với điểm tổng kết năm học của học sinh so với cả nước và mặt bằng chung của tỉnh.

Trên đây là các nội dung trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh khóa X, Sở GD&ĐT báo cáo các vị Đại biểu HĐND biết và cho ý kiến.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Bình Phước;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, VP.

[Signature]

GIÁM ĐỐC



Lý Thanh Tâm